

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[서식 제12호]

[Mẫu số 12]

접수공무원의 수임인 신분확인 (인)
Cán bộ tiếp nhận xác nhận nhân thân của người
được ủy quyền (đóng dấu)

위임장 Giấy ủy quyền

위임받은 사람

Người được ủy quyền

성명:

Họ tên:

주민등록번호:

Số chứng minh thư Hàn:

주소:

Địa chỉ:

위임인 _____는(은) 아래행위에 관한 권한을 위 _____에게 위임합니다.

Người ủy quyền _____ ủy quyền cho _____ là người có tên bên trên quyền hạn đối với các hành vi sau.

- 다음 -

- Sau đây -

「가족관계의 등록 등에 관한 법률」 제14조 및 「가족관계의 등록 등에 관한 규칙」 제19조에 따라 등록부 등의 기록사항 등에 관한 증명신청서 제출 및 수령 등에 관한 일체의 행위

Mọi hành vi liên quan đến việc nộp và nhận đơn xin yêu cầu chứng nhận liên quan thông tin ghi chép trong sổ đăng ký, v.v. theo Điều 14 của “Luật Đăng ký quan hệ gia đình” và Điều 19 của “Thông tư hướng dẫn Đăng ký quan hệ gia đình”.

20 . . .

위임인 성명:
Họ tên người ủy quyền:
주민등록번호:
Số chứng minh thư Hàn:
주소:
Địa chỉ:
전화번호:
Số điện thoại:

(서명 또는 날인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

○ 첨부서류

○ Hồ sơ đính kèm

1. 위임인의 신분증명서 사본 1부.

1. 1 bản sao giấy tờ tùy thân của người uỷ quyền.

◇ 유의 사항 ◇

◇ Nội dung lưu ý ◇

1. 타인의 서명 또는 인장의 도용 등으로 허위의 위임장을 작성하여 증명서의 신청 또는 수령한 경우에는 「형법」 제231조 또는 제237조의2에 따라 5년 이하의 징역 또는 1천만원 이하의 벌금형에 처해집니다.
1. Trường hợp giả mạo chữ ký hoặc dùng trộm con dấu của người khác để làm giả giấy ủy quyền để nộp hoặc nhận giấy chứng nhận, sẽ bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phạt tiền tối đa 10 triệu won theo Điều 231 hoặc Điều 237-2 của “Luật Hình sự”.
2. ‘접수공무원의 수임인 신분확인란’ 은 접수공무원이 수임인인 출석자의 신분증을 통하여 수임인의 인적 사항을 확인한 후 접수공무원이 날인을 하여야 합니다.
2. “Cán bộ tiếp nhận xác nhận nhân thân” là việc cán bộ tiếp nhận xác nhận giấy tờ tùy thân của người có mặt có phải người được uỷ quyền không và đóng dấu sau khi kiểm tra thông tin cá nhân của người được uỷ quyền.